

**Phụ lục**  
**MỘT SỐ CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRONG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP**  
**CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN TRONG THÁNG 9/2023**  
**(TỔNG HỢP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA)**

(Kèm theo Công văn số: ...../VP-NC ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT (1)	Tên đơn vị (2)	Mã định danh (3)	Tỷ lệ hài lòng (4)	Tổng số hồ sơ xử lý quá hạn (5)	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn, trong hạn (%) (6) <i>(Xếp loại màu xanh nếu đạt tỷ lệ 90%)</i>	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến (%) (7) <i>(Xếp loại màu xanh nếu đạt tỷ lệ lớn hơn 25%)</i>	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến (%) (8) <i>(Xếp loại màu xanh nếu đạt tỷ lệ lớn hơn 50%)</i>	Kết quả số hóa hồ sơ	
								Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử (%) (9)	Tỷ lệ hồ sơ được đồng bộ lên Cổng DVC quốc gia (%) (10)
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>								
								<b>47.13%</b>	<b>chung cho cả tỉnh</b>
1	Sở Văn hóa và Thể thao	H06.15	33.3%		100%		100.0%		
2	Sở Công Thương	H06.02	33.3%	95	94.83%	9.09%	100.0%		
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	H06.03	28.2%	06	84.51%		94.5%		
4	Sở Lao động,	H06.07	26.8%	37	79.45%	57.5%	88.7%		

	Thương binh và Xã hội								
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	H06.12	22.7%	75	63.19%	50%	98.8%		
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	H06.10	23.7%	29	82.11%		100.0%		
7	Sở Du Lịch	H06.18	19.1%	03	70%	28.57%	42.9%		
8	Sở Tài chính	H06.11	20.7%	14	62.16%		90.9%		
9	Sở Xây dựng	H06.16	21.7%	21	89.39%		74.0%		
10	Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	H06.21	19.2%	15	83.56%		90.8%		
11	Sở Thông tin và Truyền thông	H06.13	18.2%	10	58.33%		100.0%		
12	Sở Y tế	H06.17	17.7%	150	60.93%	0.4%	85.1%		
13	Sở Giao thông vận tải	H06.04	21.5%	213	64.51%	67.11%	88.7%		
14	Sở Tư pháp	H06.14	18.3%	262	54.92%	0.5%	26.4%		
15	Sở Khoa học và Công nghệ	H06.06	14.8%	04	55.56%		100.0%		
16	Sở Nội vụ	H06.09	12.6%	36	38.39%	100%	94.7%		
17	Sở Ngoại vụ	H06.08	11.1%	02	33.33%				
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	H06.05	9.5%	91	36.24%		95.9%		
19	Ban Dân tộc	H06.20					Không có		
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>								
1	UBND huyện Côn Đảo	H06.41	83.4%	127	49.64%		100.0%		
2	UBND thị xã Phú Mỹ	H06.36	57.9%	1685	73.24%	59.75%	99.7%		
3	UBND Thành Phố Bà Rịa	H06.35	57.5%	896	74.49%	67.81%	98.8%		
4	UBND huyện	H06.40	54.4%	1274	61.77%	16.2%	98.2%		

	Xuyên Mộc								
5	UBND huyện Đất Đỏ	H06.39	28.2%	210	84.24%	30.02%	99.1%		
6	UBND huyện Long Điền	H06.38	22.6%	594	67.61%	69.73%	93.4%		
7	UBND TP. Vũng Tàu	H06.34	27.2%	926	81.67%	83.44%	98.8%		
8	UBND huyện Châu Đức	H06.37	25.4%	649	75.25%	36.28%	98.9%		

*\* Lưu ý: Để trống là không có số liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.*

- Kết quả phân loại theo Quyết định 766/QĐ-TTg như sau:

+ Từ 90 đến dưới 100 điểm: Xuất sắc.

+ Từ 80 đến dưới 90 điểm: Tốt.

+ Từ 70 đến dưới 80 điểm: Khá.

+ Từ 50 đến dưới 70 điểm: Trung bình.

+ Dưới 50 điểm: Yếu.

- Màu sắc biểu thị kết quả phân loại tổng hợp và theo từng nhóm chỉ số như sau:

+ Màu xanh: Xuất sắc.

+ Màu xanh nhạt: Tốt.

+ Màu vàng: Khá.

+ Màu cam: Trung bình.

+ Màu đỏ: Yếu.

+ Màu xám: Không có hồ sơ, dữ liệu hoặc chưa thực hiện.

